

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

2. Ông Lê Ngọc Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu vực T Q, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ, (*có mặt*).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đồng P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu vực T Q, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đồng P vào năm 2004 được cha mẹ đôi bên tác hợp. Quá trình chung sống bà và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T L ngày 07/7/2005.

Quá trình chung sống bà và ông P có 01 con chung. Mặc dù sống với nhau đã 16 năm, nhưng gần đây ông thiếu trách nhiệm với gia đình, không phụ tiếp việc gì cả, đã vậy còn cờ bạc rượu chè rồi về nhà kiếm chuyện chưởi bới nên rất bức xúc. Muốn cho con có đủ cha đủ mẹ nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn mong

chồng hồi âm chuyển ý mà sống tốt với vợ con, nhưng ông P vẫn tính nào tật nấy, không khắc phục sửa chữa. Nay bà nhận thấy không thể sống chung với ông P, nên bà làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ (nam, sinh ngày 25/6/2005). Sau khi ly hôn, bà xin được quyền nuôi con chung đến trưởng thành không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Nguyễn Đồng P, nhưng bị đơn ông P đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai giải quyết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đồng P được cha mẹ đôi bên tác hợp tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/7/2005 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống bà C, ông P phát sinh mâu thuẫn và bà C có đơn khởi kiện ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo thủ tục quy định và đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Đồng P nhưng đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà C và ông P chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2005, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, theo bà C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thiếu trách nhiệm với gia đình, không phụ tiếp việc gì cả, đã vậy còn cờ bạc rượu chè rồi về nhà kiếm chuyện chưởi bới nên rất bức xúc. Muốn cho con có đủ cha đủ mẹ nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn mong chồng hồi âm chuyên ý mà sống tốt với vợ con, nhưng ông P vẫn tính nào tật nấy, không khắc phục sửa chữa. Nay bà nhận thấy không thể sống chung với ông P, nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về phía ông P quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhằm để động viên hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng phía ông P vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy ông không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng các đương sự đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của bà C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ (nam, sinh ngày 25/6/2005). Hiện nay cháu Đ đang sống với bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến trưởng thành và để tránh gây sự xáo trộn quá lớn trong cuộc sống của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng, nên ông P là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở ông P thực hiện quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà C không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn, nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Đồng P.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn Đ (nam), sinh ngày 25/6/2005 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 011308 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận bà C đã nộp xong).

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- UBND Phường T L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng

